**TÀI LIỆU THUYẾT MINH**

**V/v xây dựng dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định**

**sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước**

**được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm**

**I. Hiện trạng đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT**

**1. Tình hình ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại các Bộ ngành và địa phương**

Nhằm đánh giá hiện trạng tình hình ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn yêu cầu các Bộ ngành, địa phương rà soát, tổng hợp tình hình đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT, nêu các khó khăn, vướng mắc và đề xuất các nội dung về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước. Tổng hợp một số nội dung về tình hình ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước như sau:

Tổng kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT tại các Bộ, ngành và địa phương khoảng 12.000 tỉ đồng.

**Tại các Bộ, ngành:** Kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước chiếm khoảng 35%; Kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ nước ngoài chiếm khoảng 65%.

**Tại các địa phương:** Kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ trong nước chiếm khoảng 64%; Kinh phí đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ nước ngoài chiếm khoảng 36%.

- Một số sản phẩm phần mềm đầu tư, mua sắm của nước ngoài như Hệ điều hành; phần mềm an toàn thông tin; bảo mật và chống vi rút; phần mềm chỉnh sửa video, đồ họa; Hệ quản trị CSDL; phần mềm quản trị hệ thống máy chủ ảo; các loại phần mềm quản lý (lớp học, camera, chuyên ngành, vào/ra...); Bản quyền sử dụng cho thiết bị tường lửa, bảo vệ web, cân bằng tải ứng dụng web; phần mềm chuyên ngành. Một số sản phẩm phần mềm trong nước đã sản xuất được, đặc biệt là các sản phẩm cần ưu tiên sử dụng sản phẩm trong nước để bảo đảm an toàn thông tin (phần mềm tường lửa, diệt vi rút,...) nhưng chưa được các cơ quan chú trọng đầu tư, mua sắm sản phẩm trong nước.

- Một số sản phẩm phần cứng mua của nước ngoài như: Máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chủ, thiết bị lưu trữ, Bộ chuyển mạch switch, máy scan, máy photocopy, máy in màu, bộ lưu điện, thiết bị tường lửa, chống vi rút, màn hình chuyên dụng, thiết bị truyền hình, thiết bị chuyên dụng giảng dạy, truyền hình, các thiết bị cho hệ thống mạng (kết nối WAN, hệ thống tường lửa, module kết nối quang); Bảng mạch điện tử; máy chiếu; máy chấm công;

- Một số sản phẩm nội dung số mua của nước ngoài như: Thư viện điện tử; cơ sở dữ liệu KH&CN nước ngoài phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quyền truy cập cơ sở dữ liệu sách điện tử; tạp chí ngoại văn;

- Một số dịch vụ thuê nước ngoài: Dịch vụ cập nhật, bảo hành hệ thống giám sát an toàn mạng; hỗ trợ, cập nhật mẫu vi rút, spam mới cho giải pháp bảo mật mail, thiết bị gateway, bảo hành thiết bị chuyển mạch lõi;

**Một số lý do mua của nước ngoài như:** sản phẩm trong nước không bảo đảm yêu cầu bảo mật; trong nước chưa sản xuất (phần mềm nhúng); do phải tuân thủ Luật Đấu thầu; do nhà thầu đề xuất sản phẩm nước ngoài; khả năng hoạt động tốt và tương thích với hệ thống có sẵn; trong nước không có sản phẩm tương tự; trong nước chưa có sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế cao hơn so với thiết bị trong nước; do đặc thù của từng dự án, các hệ thống quan trọng đòi hỏi các phần cứng chuyên dụng có chất lượng, cấu hình và độ an toàn, bảo mật cao nên chủ đầu tư đã mua sản phẩm của nước ngoài; tính năng, chi phí phù hợp với tính chất công việc chuyên môn; Chủ đầu tư không nắm bắt được thông tin hàng trong nước.

**2. Đánh giá, nhận xét về tình hình ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước**

Nhìn chung, các Bộ ngành và địa phương cũng đã có ý thức ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước. Tuy nhiên, việc đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước trong các dự án của nhiều Bộ, ngành và địa phương còn có tỉ lệ chưa cao, đặc biệt là đối với sản phẩm phần cứng có tỉ lệ mua sắm sản phẩm sản xuất trong nước thấp. Một số nguyên nhân chính như sau:

- Các thiết bị đầu tư mua sắm cần phải bảo đảm các yêu cầu kết nối, tương thích, đồng bộ, bảo mật… với các trang thiết bị hiện có của đơn vị.

- Chất lượng nhiều sản phẩm chưa tốt, sản phẩm trong nước không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, sử dụng không hiệu quả so với sản phẩm nước ngoài. Giá thành một số sản phẩm sản xuất trong nước có thông số kỹ thuật tương đương với sản phẩm nhập khẩu còn cao, sức cạnh tranh kém.

- Nhiều thiết bị sản xuất trong nước chưa được tiêu chuẩn hóa, không có tổ chức kiểm định, đánh giá, xác nhận làm cơ sở bảo đảm cho việc lựa chọn sản phẩm trong nước trong quá trình đầu tư, mua sắm.

- Trong quá trình mua sắm các sản phẩm phần mềm, phần cứng CNTT, nhiều địa phương vẫn phải mua các thiết bị sản xuất của nước ngoài do tính chất quan trọng của dự án, trong nước chưa sản xuất được sản phẩm đáp ứng yêu cầu của dự án, yêu cầu sử dụng thực tế của đơn vị hoặc do các nhà thầu chỉ chào các sản phẩm của nước ngoài, do thực hiện theo quy định về đấu thầu.

- Một số hàng hóa có tính chất kỹ thuật phức tạp, chưa có nhiều cơ quan sử dụng để có cơ sở đánh giá chất lượng, thiếu thông tin để so sánh chất lượng của các nhà cung cấp gây khó khăn trong việc lựa chọn sản phẩm hàng hóa.

- Phần lớn các sản phẩm trong nước còn thiếu tính thẩm mỹ, chất lượng chưa cao nên cũng khó thuyết phục các đơn vị sử dụng trong quá trình đầu tư, mua sắm, đồng thời tâm lý chuộng sử dụng hàng ngoại, thói quen tin dùng sản phẩm của các hãng có uy tín trên thế giới, dẫn đến các thương hiệu trong nước khó cạnh tranh với sản phẩm của nước ngoài. Do đó, cần phải có quy định ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất trong nước phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

**II. Lý do, sự cần thiết ban hành Thông tư**

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ nhiệm vụ giao cho Bộ TT&TT tại Điều 4, Nghị định 73/2019/NĐ-CP: Nghiên cứu xây dựng ban hành tiêu chí chi tiết xác định và công bố danh mục các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm; công bố danh mục các doanh nghiệp có sản phẩm đáp ứng các tiêu chí ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

- Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ giao cho các Bộ, ngành tại Khoản 11 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định*“Các Bộ, ngành trong phạm vi quản lý của mình phải công bố danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng”.* Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông với chức năng quản lý nhà nước về CNTT cần phải công bố các sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước đã sản xuất được và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng.

- Theo nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 1649/QĐ-BTTTT ngày 08/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

 **2 Sự cần thiết ban hành Thông tư**

Dự thảo Thông tư dự kiến được ban hành nhằm:

- Hiện thực hóa, triển khai các nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng, Chính phủ (Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khoá XI; Nghị định 73/2019/NĐ-CP của chính phủ). Nhằm thực hiện đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu dùng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước, góp phần tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của Bộ Chính trị;

- Nhằm tăng cường bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt trong giai đoạn Việt Nam đang đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp trong nước là cần thiết.

- Ưu tiên sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước góp phần thực hiện chiến lược “Make in Viet Nam”, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phấn đấu từng bước làm chủ về công nghệ, chủ động thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm, chủ động trong sáng tạo các dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ góp phần thực hiện sứ mệnh đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp phát triển, nền kinh tế Việt Nam bứt phá, phát triển nhanh và bền vững.

- Việc chi tiêu cho CNTT từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đang và sẽ tiếp tục chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng giá trị thị trường, đặc biệt trong giai đoạn của cuộc CMCN 4.0. Thị trường CNTT trong các cơ quan nhà nước là một thị trường lớn cho các doanh nghiệp CNTT trong nước hoạt động và phát triển lớn mạnh. Do đó cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT trong nước phát triển mạnh mẽ, dần dần từng bước có thể tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao ngang tầm với các sản phẩm có chất lượng, uy tín trên thế giới. Thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất và phát triển sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước, hình thành hệ sinh thái công nghệ số.

- Trên cơ sở tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trong việc thực hiện ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước, một số ý kiến như cần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên, bổ sung danh mục các sản phẩm, dịch vụ CNTT được ưu tiên, hướng dẫn chi tiết các tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên... để các cơ quan, đơn vị thuận tiện lựa chọn khi đầu tư, thuê, mua sắm. Đồng thời, với sự phát triển nhanh của ngành CNTT thì ngày càng có nhiều sản phẩm và loại hình dịch vụ CNTT mới ra đời, với nhiều đặc điểm và tính chất khác nhau, trong đó, có nhiều sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất, cung cấp trong nước có chất lượng, có khả năng thay thế sản phẩm nhập ngoại. Do đó, cần phải sửa đổi, cập nhật tiêu chí xác định các sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm trong Thông tư 47/2016/TT-BTTTT cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Công bố danh mục sản phẩm, dịch vụ CNTT và danh mục doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm nhằm hỗ trợ các cơ quan, tổ chức và các doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện trong quá trình đầu tư, thuê, mua sắm và cung cấp sản phẩm, dịch vụ CNTT.

- Thay thế Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**III. Quá trình và nguyên tắc xây dựng dự thảo Thông tư**

1. **Quá trình xây dựng**

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng dự thảo Thông tư, Vụ CNTT đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về việc ưu tiên sản phẩm sản xuất trong nước; gửi công văn cho các Hội, Hiệp hội CNTT và các doanh nghiệp lớn về CNTT để khảo sát, thống kê các sản phẩm và năng lực sản xuất của các doanh nghiệp; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các bộ ngành, địa phương khi ưu tiên đầu tư, mua sắm; lấy ý kiến trực tuyến các Sở và một số doanh nghiệp về việc thực hiện ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm trong nước; làm việc với một số đơn vị liên quan để xây dựng dự thảo Thông tư.

Vụ CNTT xin ý kiến các đơn vị liên quan (Bộ KH&ĐT, Bộ TC, Bộ Công Thương, Bộ KH&CN, Phòng TM&CNVN, các Sở TT&TT, các Hội, Hiệp hội CNTT và một số doanh nghiệp), đăng tải dự thảo Thông tư lên cổng thông tin điện tử của Bộ để xin ý kiến rộng rãi của nhân dân và gửi xin ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế; xin ý kiến các Thứ trưởng.

1. **Nguyên tắc xây dựng dự thảo Thông tư**

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình thị trường CNTT, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT, ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và tham khảo các văn bản, tài liệu liên quan đến đầu tư, thuê, mua sắm, dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên việc đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước, thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo với các hệ thống VBQPPL liên quan khác;

- Phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định liên quan đến mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được ký kết giữa Việt Nam và quốc tế; các Hiệp định mà Việt Nam đang tiến hành đàm phán để tham gia;

- Cung cấp thêm kênh tham khảo về sản phẩm, dịch vụ CNTT sản xuất được trong nước bảo đảm tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc đầu tư, mua sắm sản phẩm CNTT;

- Hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, tạo đà cho các doanh nghiệp trong nước phát triển để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao hơn.

**3. Nội dung chính của dự thảo Thông tư**

**- Phạm vi và đối tượng:** Theo quy định trong Nghị định 73/2019/NĐ-CP

**- Quy định sản phẩm, dịch vụ CNTT được ưu tiên:** đáp ứng các tiêu chí và được công bố theo quy định.

**- Quy định về các tiêu chí ưu tiên**:

 + Tiêu chí chung (Điều 5): Đưa ra quy định cơ bản cho các sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên.

+ Tiêu chí cụ thể (Điều 6): Các nội dung liên quan đến năng lực nghiên cứu, sản xuất sản phẩm; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ, …

**- Công bố sản phẩm, dịch vụ CNTT**: Các doanh nghiệp sẽ căn cứ vào các tiêu chí quy định tại điều 5, 6 trong Thông tư để tự đánh giá và công bố sản phẩm; đồng thời gửi thông tin về Sở TT&TT trên địa bàn và Bộ TT&TT; Sở TT&TT sẽ xem xét và, sau đó gửi thông tin về Bộ để công bố đăng lên Cổng thông tin điện tử của Bộ; trên cơ sở ghi nhận công bố của doanh nghiệp và thông tin Sở TT&TT gửi, Bộ trưởng Bộ TT&TT sẽ ban hành danh mục các sản phẩm được ưu tiên. Định kỳ, hoặc đột xuất Bộ TT&TT sẽ kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các định ưu tiên đã được công bố.

- Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị: Trách nhiệm của Vụ CNTT; trách nhiệm của các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin và các Sở TT&TT.

- Quy định điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.

- Các Phụ lục: Các nội dung để doanh nghiệp công bố thông tin về sản phẩm, dịch vụ; Các nội dung về công bố danh mục doanh nghiệp; mẫu để các Bộ ngành, địa phương báo cáo về đầu tư, mua sắm.